

Số: *17* /QĐ-UBBC

Tái Sơn, ngày *01* tháng *6* năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử  
Đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa XXIII, nhiệm kỳ 2021-2026**

**ỦY BAN BẦU CỬ XÃ TÁI SƠN**

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số  
85/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Tái  
Sơn khóa XXIII, nhiệm kỳ 2021-2026 của Ủy ban bầu cử xã Tái Sơn;*

*Theo đề nghị của Thư ký Ủy ban bầu cử xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kết quả bầu cử và danh sách 23 người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Tái Sơn khóa XXIII, nhiệm kỳ 2021-2026 (Có danh sách kèm theo).

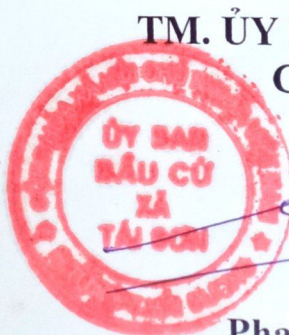
**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Ủy ban bầu cử xã, thành viên Ban bầu cử đại biểu HĐND xã, các ngành có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban bầu cử huyện;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, PCT. UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Như Điều 2;
- Lưu: UBBC, VP.

Để báo cáo



**TM. ỦY BAN BẦU CỬ XÃ  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Quang**

**KẾT QUẢ BẦU CỬ  
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÁI SƠN  
KHOÁ XXIII, NHIỆM KỲ 2021-2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số *AT* /QĐ-UBBC ngày *01* tháng *6* năm 2021  
của Ủy ban bầu cử xã Tái Sơn)

**1. Số lượng đơn vị bầu cử, tổng số cử tri, số cử tri tham gia bỏ phiếu  
tại ở mỗi đơn vị bầu cử như sau:**

| STT | Các đơn vị bầu cử                                                              | Tổng số<br>cử tri của<br>đơn vị<br>bầu cử | Tổng số<br>cử tri đã<br>tham gia<br>bỏ phiếu | Tỷ lệ<br>cử tri đã<br>tham gia<br>bỏ phiếu<br>so với<br>tổng số<br>cử tri | Phiếu hợp lệ |                                                  | Phiếu không<br>hợp lệ |                                                     | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                |                                           |                                              |                                                                           | Số phiếu     | Tỷ lệ %<br>so với<br>tổng số<br>phiếu<br>thu vào | Số phiếu              | Tỷ lệ<br>% so<br>với<br>tổng số<br>phiếu<br>thu vào |         |
| 1.  | <b>Đơn vị bầu cử số 01</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm trên<br>thôn Thiết Tái   | 406                                       | 397                                          | 97,78                                                                     | 388          | 98,23                                            | 7                     | 1,77                                                |         |
| 2.  | <b>Đơn vị bầu cử số 02</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm dưới<br>thôn Thiết Tái   | 338                                       | 325                                          | 95,59                                                                     | 298          | 92,26                                            | 25                    | 7,74                                                |         |
| 3.  | <b>Đơn vị bầu cử số 03</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm trong<br>thôn Thượng Sơn | 393                                       | 386                                          | 98,21                                                                     | 362          | 93,78                                            | 24                    | 6,22                                                |         |
| 4.  | <b>Đơn vị bầu cử số 04</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm ngoài<br>thôn Thượng Sơn | 416                                       | 414                                          | 92,52                                                                     | 387          | 93,48                                            | 27                    | 6,52                                                |         |
| 5.  | <b>Đơn vị bầu cử số 05</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm trên<br>thôn Trung Sơn   | 326                                       | 326                                          | 100                                                                       | 316          | 96,93                                            | 10                    | 3,07                                                |         |
| 6.  | <b>Đơn vị bầu cử số 06</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm dưới<br>thôn Trung Sơn   | 375                                       | 358                                          | 95,47                                                                     | 354          | 98,88                                            | 04                    | 1,12                                                |         |
| 7.  | <b>Đơn vị bầu cử số 07</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Thôn Ngọc<br>Chấn             | 485                                       | 482                                          | 99,38                                                                     | 453          | 93,98                                            | 29                    | 6,02                                                |         |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                               | <b>2739</b>                               | <b>2686</b>                                  | <b>98,06</b>                                                              | <b>2588</b>  | <b>95,36</b>                                     | <b>126</b>            | <b>4,64</b>                                         |         |

**2. Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã  
Tái Sơn khóa XXIII, nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:**

| STT | Đơn vị bầu cử                                                                | Họ và tên người ứng cử<br>đại biểu HĐND <sup>(7)</sup> | Số phiếu<br>bầu | Tỷ lệ % so với tổng<br>số phiếu hợp lệ | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|------------|
| 1.  | <b>Đơn vị bầu cử số 01</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm trên<br>thôn Thiết Tái | 1. Trần Việt Hiền                                      | 208             | 53,61                                  |            |
|     |                                                                              | 2. Nguyễn Văn Hoè                                      | 271             | 69,85                                  |            |
|     |                                                                              | 3. Trần Thị Lý                                         | 195             | 50,26                                  |            |
|     |                                                                              | 4. Đoàn Văn Minh                                       | 230             | 59,28                                  |            |
|     |                                                                              | 5. Nguyễn Thị Thương                                   | 190             | 48,97                                  |            |
| 2.  | <b>Đơn vị bầu cử số 02</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm dưới                   | 1. Hoàng Thị Chiêm                                     | 94              | 31,54                                  |            |
|     |                                                                              | 2. Lê Văn Chiêu                                        | 169             | 56,71                                  |            |

|    |                                                                                |                      |     |       |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----|-------|--|
|    | thôn Thiết Tái                                                                 | 3. Nguyễn Thị Huyền  | 136 | 45,64 |  |
|    |                                                                                | 4. Nguyễn Văn Khâm   | 143 | 47,99 |  |
|    |                                                                                | 5. Nguyễn Văn Khường | 171 | 57,38 |  |
|    |                                                                                | 6. Nguyễn Văn Thận   | 141 | 47,32 |  |
|    |                                                                                | 7. Nguyễn Văn Toán   | 133 | 44,63 |  |
| 3. | <b>Đơn vị bầu cử số 03</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm trong<br>thôn Thượng Sơn | 1. Phạm Văn Anh      | 113 | 31,22 |  |
|    |                                                                                | 2. Phan Văn Dương    | 155 | 42,82 |  |
|    |                                                                                | 3. Phùng Văn Đoàn    | 292 | 80,66 |  |
|    |                                                                                | 4. Phạm Văn Thế      | 224 | 61,88 |  |
|    |                                                                                | 5. Phạm Văn Thông    | 197 | 54,42 |  |
|    |                                                                                | 6. Phạm Đức Toàn     | 150 | 41,44 |  |
|    |                                                                                | 7. Phạm Thị Tươi     | 79  | 21,82 |  |
| 4. | <b>Đơn vị bầu cử số 04</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm ngoài<br>thôn Thượng Sơn | 1. Phạm Hồng Hà      | 194 | 50,13 |  |
|    |                                                                                | 2. Phạm Văn Lập      | 197 | 50,90 |  |
|    |                                                                                | 3. Đỗ Thị Lê         | 285 | 73,64 |  |
|    |                                                                                | 4. Trương Thị Lự     | 196 | 50,65 |  |
|    |                                                                                | 5. Phạm Cao Quyền    | 262 | 67,70 |  |
|    |                                                                                | 6. Tạ Hữu Tân        | 225 | 58,14 |  |
|    |                                                                                | 7. Vũ Thị Toán       | 53  | 13,70 |  |
| 5. | <b>Đơn vị bầu cử số 05</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm trên<br>thôn Trung Sơn   | 1. Trần Văn Nam      | 50  | 15,80 |  |
|    |                                                                                | 2. Phạm Đức Sơn      | 268 | 84,81 |  |
|    |                                                                                | 3. Phạm Văn Tuyên    | 248 | 78,48 |  |
|    |                                                                                | 4. Phạm Văn Tư       | 90  | 28,48 |  |
|    |                                                                                | 5. Phạm Thị Tươi     | 252 | 79,75 |  |
| 6. | <b>Đơn vị bầu cử số 06</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm dưới<br>thôn Trung Sơn   | 1. Phan Ngọc Hà      | 220 | 62,15 |  |
|    |                                                                                | 2. Phan Thị Loan     | 90  | 25,42 |  |
|    |                                                                                | 3. Đào Thị Ngoãn     | 200 | 56,50 |  |
|    |                                                                                | 4. Nguyễn Hồng Phong | 211 | 59,60 |  |
|    |                                                                                | 5. Phan Văn Quang    | 219 | 61,86 |  |
| 7. | <b>Đơn vị bầu cử số 07</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Thôn Ngọc<br>Chấn             | 1. Trương Văn Chùng  | 159 | 35,10 |  |
|    |                                                                                | 2. Nguyễn Thị Hải    | 322 | 71,08 |  |
|    |                                                                                | 3. Trương Công Hiện  | 324 | 71,52 |  |
|    |                                                                                | 4. Nguyễn Thị Hồng   | 324 | 71,52 |  |
|    |                                                                                | 5. Nguyễn Thị Huệ    | 91  | 20,09 |  |
|    |                                                                                | 6. Trương Công Hùng  | 263 | 58,06 |  |
|    |                                                                                | 7. Nguyễn Ngọc Xuyên | 191 | 42,16 |  |

**3. Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Tái Sơn, khoá XXIII, nhiệm kỳ 2021-2026 theo từng đơn vị bầu cử như sau:**

| STT | Đơn vị bầu cử                                                                  | Họ và tên<br>người trúng cử đại biểu HĐND <sup>(8)</sup> | Số phiếu<br>bầu | Tỷ lệ % so với tổng<br>số phiếu hợp lệ | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|------------|
| 1.  | <b>Đơn vị bầu cử số 01</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm trên<br>thôn Thiết Tái   | 1. Nguyễn Văn Hoè                                        | 271             | 69,85                                  |            |
|     |                                                                                | 2. Đoàn Văn Minh                                         | 230             | 59,28                                  |            |
|     |                                                                                | 3. Trần Việt Hiên                                        | 208             | 53,61                                  |            |
| 2.  | <b>Đơn vị bầu cử số 02</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm dưới<br>thôn Thiết Tái   | 1. Nguyễn Văn Khường                                     | 171             | 57,38                                  |            |
|     |                                                                                | 2. Lê Văn Chiêu                                          | 169             | 56,71                                  |            |
| 3.  | <b>Đơn vị bầu cử số 03</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm trong<br>thôn Thượng Sơn | 1. Phùng Văn Đoàn                                        | 292             | 80,66                                  |            |
|     |                                                                                | 2. Phạm Văn Thế                                          | 224             | 61,88                                  |            |
|     |                                                                                | 3. Phạm Văn Thông                                        | 197             | 54,42                                  |            |
| 4.  | <b>Đơn vị bầu cử số 04</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm ngoài<br>thôn Thượng Sơn | 1. Đỗ Thị Lê                                             | 285             | 73,64                                  |            |
|     |                                                                                | 2. Phạm Cao Quyền                                        | 262             | 67,70                                  |            |
|     |                                                                                | 3. Tạ Hữu Tân                                            | 225             | 58,14                                  |            |

|    |                                                                              |                      |     |       |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----|-------|--|
| 5. | <b>Đơn vị bầu cử số 05</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm trên<br>thôn Trung Sơn | 4. Phạm Văn Lập      | 197 | 50,90 |  |
|    |                                                                              | 1. Phạm Đức Sơn      | 268 | 84,81 |  |
|    |                                                                              | 2. Phạm Thị Tươi     | 252 | 79,75 |  |
|    |                                                                              | 3. Phạm Văn Tuyên    | 248 | 78,48 |  |
| 6. | <b>Đơn vị bầu cử số 06</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm dưới<br>thôn Trung Sơn | 1. Phan Ngọc Hà      | 220 | 62,15 |  |
|    |                                                                              | 2. Phan Văn Quang    | 219 | 61,86 |  |
|    |                                                                              | 3. Nguyễn Hồng Phong | 211 | 59,60 |  |
| 7. | <b>Đơn vị bầu cử số 07</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Thôn Ngọc<br>Chấn           | 1. Trương Công Hiên  | 324 | 71,52 |  |
|    |                                                                              | 2. Nguyễn Thị Hồng   | 324 | 71,52 |  |
|    |                                                                              | 3. Nguyễn Thị Hải    | 322 | 71,08 |  |
|    |                                                                              | 4. Trương Công Hùng  | 263 | 58,06 |  |

**4. Các đơn vị bầu cử có số người trúng cử ít hơn số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu do Ủy ban bầu cử xã ấn định, phải tổ chức bầu cử thêm:**

Theo như ấn định của Ủy ban bầu cử xã thì số đại biểu HĐND xã, khóa XXIII nhiệm kỳ 2021-2026 được bầu ở tổ bầu cử số 02 là 04 đại biểu. Căn cứ vào biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu HĐND xã khóa XXIII, nhiệm kỳ 2021-2026 ở tổ bầu cử số 02, ngày 23/5/2021 thì tổ bầu cử số 2 đã bầu được 02 đại biểu, còn thiếu 02 đại biểu, Tuy nhiên số đại biểu HĐND xã trúng cử tại tổ bầu cử số 2 bầu cử ngày 23/5/2021 chưa đạt quá 2/3 số đại biểu trúng cử so với ấn định của UBBC xã. Thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh Hải Dương về cuộc bầu cử thêm. Ngày 30/5/2021, Tổ bầu cử số 2 đã tổ chức cuộc bầu cử thêm.

**Kết quả bầu cử thêm như sau:**

| Đơn vị bầu cử                                                                | Họ và tên người ứng cử<br>ĐBHNĐ <sup>(7)</sup> | Số phiếu<br>bầu | Tỷ lệ % so với tổng<br>số phiếu hợp lệ | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|---------|
| <b>Đơn vị bầu cử số 02</b><br>Gồm <sup>(4)</sup> Nhóm dưới<br>thôn Thiết Tái | 1. Hoàng Thị Chiêm                             | 41              | 12,85                                  |         |
|                                                                              | 2. Nguyễn Thị Huyền                            | 126             | 39,49                                  |         |
|                                                                              | 3. Nguyễn Văn Khâm                             | 130             | 40,75                                  |         |
|                                                                              | 4. Nguyễn Văn Thận                             | 195             | 61,13                                  |         |
|                                                                              | 5. Nguyễn Văn Toán                             | 54              | 16,93                                  |         |

**Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Tái Sơn, khoá XXIII, nhiệm kỳ 2021-2026 sau khi bầu cử thêm như sau:**

| STT | Đơn vị bầu cử                                                 | Họ và tên<br>người trúng cử đại<br>biểu HNĐ <sup>(8)</sup> | Số phiếu<br>bầu | Tỷ lệ %<br>so với tổng số<br>phiếu hợp lệ | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------|---------|
| 1   | <b>Đơn vị bầu cử số 02</b><br>Gồm Nhóm dưới thôn<br>Thiết Tái | 1. Nguyễn Văn Thận                                         | 195             | 61,13                                     |         |

Tái Sơn, ngày 01 tháng 6 năm 2021

**TM. ỦY BAN BẦU CỬ  
CHỦ TỊCH**



Phan Văn Quang



**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI TRÚNG CỬ**  
**ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÁI SƠN KHÓA XXIII**  
**NHIỆM KỲ 2021-2026**

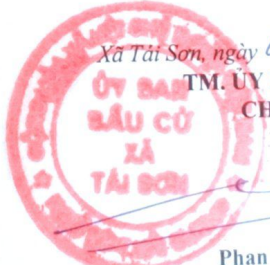
(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-UBBC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban bầu cử xã Tái Sơn)

| STT | Họ và tên        | Đơn vị bầu cử | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Tôn giáo | Quê quán                                 | Nơi ở hiện nay                                           | Trình độ           |                                          |                 |                   |                | Nghề nghiệp, chức vụ                                                                                                                                         | Nơi công tác                                                                    | Ngày vào Đảng (nếu có) | Là đại biểu HĐND (nếu có)                                                 | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------|-----------------------|-----------|-----------|---------|----------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                  |               |                       |           |           |         |          |                                          |                                                          | Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ                    | Học hàm, học vị | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ      |                                                                                                                                                              |                                                                                 |                        |                                                                           |         |
| 1   | LÊ VĂN CHIÊU     | 02            | 09/4/1968             | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Thiết Tái, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 9/10 phổ thông     |                                          |                 |                   |                | Nông dân, Thôn đội trưởng                                                                                                                                    | Thôn Thiết Tái, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                         |                        | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2011-2016                       |         |
| 2   | PHÙNG VĂN ĐOÀN   | 03            | 25/4/1978             | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Thượng Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | 12/12/ bổ túc      | Đại học, chuyên ngành hành chính học     |                 | Trung cấp         | Anh Trình độ B | Cán bộ, Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã                                                                                                      | Ủy ban nhân dân xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                         | 30/4/2000              | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2004-2011, 2011-2016, 2016-2021 |         |
| 3   | PHAN NGỌC HÀ     | 06            | 25/3/1964             | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Trung Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 7/10 phổ thông     |                                          |                 |                   |                | Nông dân, Thôn đội trưởng, Ủy viên Ban thường vụ Hội Cựu chiến binh xã, Chi hội trưởng chi hội Cựu chiến binh thôn                                           | Thôn Trung Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                         |                        | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2016-2021                       |         |
| 4   | NGUYỄN THỊ HẢI   | 07            | 20/11/1963            | Nữ        | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | Thôn Ngọc Chấn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 12/12/ phổ thông   |                                          |                 |                   |                | Nông dân, Ủy viên Ban chấp hành Hội nông dân xã, Chi hội Trưởng Chi hội Nông dân thôn                                                                        | Chi hội nông dân thôn Ngọc Chấn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương        |                        |                                                                           |         |
| 5   | TRẦN VIỆT HIỀN   | 01            | 10/3/1962             | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Thiết Tái, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 9/10 phổ thông     | Trung cấp, chuyên ngành Thú y            |                 | Sơ cấp            |                | Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, Trưởng Ban Chăn nuôi Thú y xã, Phó Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã, Trưởng ban Thanh tra nhân dân xã | Ban Chăn nuôi Thú y xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                     | 09/01/1986             | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1989-1991, 2004-2011, 2016-2021 |         |
| 6   | TRƯƠNG CÔNG HIỀN | 07            | 22/02/1957            | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Ngọc Chấn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 10/10/ bổ túc      | Trung cấp, chuyên ngành Quản lý Nhà nước |                 | Trung cấp         |                | Kinh doanh, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Tái Sơn                                                                  | Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Tái Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | 03/02/1981             | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2011-2016, 2016-2021            |         |
| 7   | NGUYỄN VĂN HOÈ   | 01            | 20/10/1976            | Nam       | Việt Nam  | Kinh    | Không    | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Thiết Tái, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 12/12/ bổ túc      | Đại học, chuyên ngành Luật               |                 | Trung cấp         | Anh Trình độ B | Cán bộ, Đảng uỷ viên, Chủ tịch Hội Nông dân xã                                                                                                               | Hội Nông dân xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                            | 15/8/1998              | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2011-2016, 2016-2021            |         |

|    |                   |    |            |     |          |      |       |                                          |                                                          |                  |                                         |  |           |     |            |                                                                                                     |                                                                                          |            |                                                                           |  |
|----|-------------------|----|------------|-----|----------|------|-------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------|--|-----------|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------|--|
| 8  | NGUYỄN THỊ HỒNG   | 07 | 01/11/1986 | Nữ  | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Đại Đồng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | Thôn Ngọc Chấn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 8/12/ phổ thông  |                                         |  |           |     |            | Nông dân, Ủy viên Ban chấp hành Hội phụ nữ xã, Chi hội Trưởng Chi hội Phụ nữ thôn                   | Chi hội phụ nữ thôn Ngọc Chấn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                   |            |                                                                           |  |
| 9  | TRƯƠNG CÔNG HÙNG  | 07 | 03/5/1972  | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Ngọc Chấn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 12/12/ phổ thông | Đại học, chuyên ngành Luật              |  | Trung cấp | Anh | Trình độ B | Cán bộ, Đảng ủy viên, Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã                                           | Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                 | 16/6/1995  | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2004-2011                       |  |
| 10 | NGUYỄN VĂN KHUÔN  | 02 | 22/3/1976  | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Thiết Tái, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 9/12/ phổ thông  |                                         |  | Sơ cấp    |     |            | Nông dân, Công an viên, Ủy viên Ban thường vụ Hội Nông dân xã, Chi hội trưởng chi hội nông dân thôn | Thôn Thiết Tái, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                                  |            | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2016-2021                       |  |
| 11 | PHẠM VĂN LẬP      | 04 | 11/9/1962  | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Thượng Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | 7/10 phổ thông   |                                         |  |           |     |            | Nông dân, Ủy viên Ban chấp hành Hội Nông dân xã, chi hội trưởng chi hội nông dân thôn               | Chi hội trưởng chi hội nông dân thôn Thượng Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương |            |                                                                           |  |
| 12 | ĐỖ THỊ LÊ         | 04 | 08/6/1971  | Nữ  | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Thượng Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | 9/12/ phổ thông  |                                         |  |           |     |            | Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, Phó Trưởng Đài truyền thanh xã                           | Đài truyền thanh xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                                 |            | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1999-2004, 2011-2016, 2016-2021 |  |
| 13 | ĐOÀN VĂN MINH     | 01 | 15/6/1959  | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Thiết Tái, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 7/10 phổ thông   |                                         |  |           |     |            | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn                        | Ban Công tác mặt trận thôn Thiết Tái, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương            |            | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2016-2021                       |  |
| 14 | NGUYỄN HỒNG PHONG | 06 | 19/10/1973 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Trung Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 12/12/ bổ túc    |                                         |  | Trung cấp |     |            | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, Bí thư Chi bộ-Trưởng thôn                                | Chi bộ thôn Trung Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                           | 03/9/1994  | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1999-2004                       |  |
| 15 | PHAN VĂN QUANG    | 06 | 24/01/1979 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Trung Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 12/12/ phổ thông | Đại học, chuyên ngành Luật              |  | Trung cấp | Anh | Trình độ B | Cán bộ xã, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã                                            | Đảng ủy xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                                          | 16/01/2001 | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2004-2011, 2011-2016, 2016-2021 |  |
| 16 | PHẠM CAO QUYÊN    | 04 | 08/02/1983 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | Thôn Thượng Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | 12/12/ phổ thông | Đại học, chuyên ngành công nghệ hóa học |  | Sơ cấp    | Anh | Trình độ B | Kinh doanh, Giám đốc                                                                                | Công ty TNHH một thành viên Vigol - xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương              | 10/8/2018  |                                                                           |  |

|    |                 |    |            |     |          |      |       |                                         |                                                          |                  |                                                              |  |           |                |                                                                                                                                                 |                                                                 |            |                                                                                      |
|----|-----------------|----|------------|-----|----------|------|-------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------|--|-----------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | PHẠM ĐỨC SƠN    | 05 | 14/01/1975 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | Thôn Trung Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 12/12/ bổ túc    | Đại học, chuyên ngành Luật                                   |  | Trung cấp | Anh Trình độ B | Cán bộ, Đảng uỷ viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã                                                                                           | Ủy ban nhân dân xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương         | 12/5/1998  | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1999-2004, 2011-2016; 2016-2021            |
| 18 | TẠ HỮU TÂN      | 04 | 21/8/1972  | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | Thôn Thượng Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | 12/12/ phổ thông | Đại học, chuyên ngành kinh tế nông nghiệp                    |  | Trung cấp |                | Nông dân                                                                                                                                        |                                                                 | 15/02/1994 | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2004-2011                                  |
| 19 | NGUYỄN VĂN THẬN | 02 | 12/12/1968 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | Thôn Thiết Tái, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 12/12/ bổ túc    | Đại học, chuyên ngành Công tác xã hội                        |  | Trung cấp |                | Cán bộ, Đảng uỷ viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã                                                                                         | Hội đồng nhân dân xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương       | 26/3/1990  | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1999-2004, 2004-2011, 2011-2016, 2016-2021 |
| 20 | PHẠM VĂN THẾ    | 03 | 10/9/1958  | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | Thôn Thượng Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | 7/10 phổ thông   |                                                              |  | Sơ cấp    |                | Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn                                                                           | Chi bộ thôn Thượng Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | 02/3/1981  | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã xã nhiệm kỳ 1995-1999, 2016-2021                    |
| 21 | PHẠM VĂN THÔNG  | 03 | 05/11/1980 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | Thôn Thượng Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | 12/12/ phổ thông | Đại học, chuyên ngành Luật                                   |  | Trung cấp | Anh Trình độ B | Công chức, Tư pháp - Hộ tịch xã                                                                                                                 | Ủy ban nhân dân xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương         | 19/9/2001  | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2011-2016; 2016-2021                       |
| 22 | PHẠM VĂN TUYẾN  | 05 | 22/8/1991  | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | Thôn Trung Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 12/12/ phổ thông | Đại học, chuyên ngành giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng |  | Trung cấp |                | Công chức, Văn hóa - Xã hội xã, Trưởng Đài truyền thanh xã, Ủy viên Ban thường vụ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã, Bí thư chi đoàn thôn | Ủy ban nhân dân xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương         | 11/9/2015  |                                                                                      |
| 23 | PHẠM THỊ TƯƠI   | 05 | 23/12/1979 | Nữ  | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương | Thôn Trung Sơn, xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương  | 12/12/ phổ thông | Đại học, chuyên ngành Luật                                   |  | Trung cấp | Anh Trình độ B | Cán bộ xã, Đảng uỷ viên, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ xã                                                                    | Hội Phụ nữ xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương              | 03/02/2001 | Là đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2004-2011, 2011-2016, 2016-2021            |

Số đại biểu được bầu của Hội đồng nhân dân xã Tái Sơn là: 25 người  
Tổng số người trúng cử trong danh sách này là: 23 người.

Xã Tái Sơn, ngày 01 tháng 6 năm 2021  
**TM. ỦY BAN BẦU CỬ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
Phan Văn Quang